

MỘT SỐ BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ VỚI DỊCH BỆNH CỦA TRIỀU NGUYỄN TRONG THẾ KỶ XIX

Chu Thị Thu Thủy^{1,✉}, Nguyễn Văn Mạnh²,
Nguyễn Thị Hằng²

Tóm tắt: Dịch bệnh là mối đe dọa và nguy hại đối với xã hội loài người, là một trong những nhân tố tạo nên sự bất ổn về mặt kinh tế, chính trị và xã hội. Theo Đại Nam thực lục ghi chép, trong thế kỉ XIX, Việt Nam diễn ra 3 trận dịch lớn với quy mô, phạm vi toàn quốc đó là trận dịch tả năm 1820, trận dịch (chưa rõ tên) năm 1849, trận dịch đậu mùa năm 1888 và hậu quả làm hàng nghìn người tử vong. Bài viết tập trung phân tích sự bùng phát và quá trình lây lan của dịch bệnh; các biện pháp ứng phó với dịch bệnh của triều Nguyễn (thế kỷ XIX) cùng kết luận và bài học kinh nghiệm trong việc ứng phó với dịch bệnh trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: dịch bệnh, biện pháp, triều Nguyễn, thế kỷ XIX.

1. MỞ ĐẦU

Trong quá trình phát triển của lịch sử nhân loại, dịch bệnh luôn đồng hành cùng con người. Bệnh dịch là một mối nguy hiểm lớn lao, càn quét khắp các châu lục trên thế giới và cũng tham gia hay tạo ra những biến cố lịch sử quan trọng; làm thay đổi những suy nghĩ của con người về nguồn gốc, sự lây nhiễm và tác hại của nó, thúc đẩy nhân loại đi tìm những biện pháp, cách thức để phòng và chữa bệnh, tạo ra những bước chuyển biến lớn và tích cực trong y học. Bên cạnh đó, dịch bệnh cũng tạo ra những thay đổi đến tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội ở những nơi mà nó càn quét. Tất cả những tác động đó đã buộc con người phải thay đổi, tìm cách để thích ứng.

Theo Đại Nam thực lục ghi chép, trong thế kỉ XIX, Việt Nam diễn ra 3 trận dịch lớn với quy mô, phạm vi toàn quốc đó là trận dịch tả năm 1820, trận dịch (chưa rõ tên) năm 1849, trận dịch đậu mùa năm 1888 và hậu quả làm hàng nghìn người tử vong. Bài viết tập trung phân tích sự bùng phát và quá trình lây lan của dịch bệnh; các biện pháp ứng phó với dịch bệnh của triều Nguyễn (thế kỷ XIX) cùng kết luận và bài học kinh nghiệm trong việc ứng phó với dịch bệnh trong giai đoạn hiện nay.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Sự bùng phát và quá trình lây lan của dịch bệnh

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

² Sinh viên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

✉ Tác giả liên hệ. Email: chuthithuthuy@hpu2.edu.vn

Dưới thời nhà Nguyễn, các trận dịch được ghi chép khá cụ thể và thường xuyên về số người tử vong nhưng tên các loại dịch ít khi được nhắc đến. Nguồn tư liệu cung cấp khá nhiều thông tin quý báu là Đại Nam thực lục, ngoài ra là các Châu bản.

Có nhiều quan điểm khác nhau về việc thống kê các trận dịch xảy ra dưới thời Nguyễn. Đầu tiên là tác giả Lê Quang Chấn, ông cho rằng trong giai đoạn 1802 – 1883 có gần 70 trận dịch. Cũng giai đoạn đó, Trương Anh Thuận cho là có 80 lần dịch bệnh. Với nhà nghiên cứu Phạm Hoàng Luân, ông thống kê từ năm 1802 kéo dài đến năm 1895, với số lần xảy ra dịch bệnh gần 70 trận. Về ghi chép của *Đại Nam thực lục* thì cho rằng trong vòng 68 năm từ 1804 – 1888 xảy ra 67 trận dịch lớn nhỏ.

Dựa vào sự tìm hiểu chi tiết về tài liệu, nhóm tác giả đưa ra bảng thống kê như sau:

Bảng 1: Các trận dịch xảy ra dưới thời Nguyễn giai đoạn 1801 -1895

Năm	Số trận dịch	Năm	Số trận dịch
1804	1	1849	2
1805	1	1850	1
1815	1	1851	2
1820	1	1852	2
1826	1	1853	2
1830	1	1856	4
1831	1	1857	1
1833	2	1858	1
1834	2	1859	1
1835	1	1860	1
1836	1	1863	2
1838	1	1864	2
1839	2	1867	2
1840	5	1874	2
1841	1	1875	2
1842	1	1876	1

1843	2	1877	5
1844	1	1878	2
1845	2	1880	1
1846	2	1882	1
1847	2	1887	2
1848	3	1888	3

(Nguồn: Đại Nam thực lục)

Nhìn vào bảng thống kê, chúng ta thấy rằng trong vòng 94 năm (1801-1895) có 77 trận dịch lớn nhỏ xảy ra, tương đương 1,2 trận dịch /năm, tần suất khá dày nếu so với Trung Quốc. Theo thống kê của Trương Đại Khánh, dịch bệnh thời nhà Thanh (1644-1911) ghi nhận trong Thanh Sử Cảo là 98 trận lớn với cấp độ nguy hại nghiêm trọng, tức là trong 267 năm, trung bình hai năm rưỡi mới xảy ra 1 trận [12]. Theo bảng thống kê, số năm xảy ra nhiều trận dịch nhất là năm 1840 và năm 1877 với 7 lần. Các năm còn lại số trận dịch xảy ra ít hơn khoảng một, hai trận trong năm. Có ba trận dịch xảy ra trên phạm vi cả nước là 1820, 1849 và 1888, điều này cho thấy quy mô của trận dịch không chỉ xảy ra ở địa phương, xã, tỉnh mà còn bùng phát trên cả nước, kéo dài trong nhiều tháng và thậm chí trong nhiều năm.

2.2. Các biện pháp ứng phó với dịch bệnh của triều Nguyễn

2.2.1. Điều tra nguồn gốc dịch bệnh và quá trình lây lan

Điều tra nguồn gốc và quá trình lây lan là một khâu quan trọng để có thể kiểm soát được tình hình dịch bệnh. Tuy nhiên, do một phần nhận thức, quan niệm và thiếu kiến thức y học về sự lây nhiễm của dịch bệnh nên công tác này còn chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của triều đình nhà Nguyễn.

Thế kỉ XIX, tồn tại quan niệm phổ biến cho rằng dịch bệnh là do phạm đến khí hòa của trời đất. Trong trận dịch năm 1820, chiếu của vua Minh Mạng có câu: “Nay bỗng gặp khí trời không hòa, nhân dân khó sống, có lẽ là chính sự có điều gì thiếu sót chăng, ẩn tình của dân có chỗ chưa suốt đến chăng?”, hay như lời tâu trong sớ của các quan Lại khoa Cấp sự trung Lê Nhân, thự Lễ khoa cấp sự trung Vũ Phạm Khải, Tổng đốc Ninh - Thái Tôn Thất Bật, tâu về dịch bệnh ở các tỉnh Bắc Kỳ năm 1839 là do “việc hình ngục có hoặc chưa công bằng, dân tình hoặc có uất ức, kẻ gian tham hoặc làm hại dân, nên can phạm khí hòa của trời”, “hình ngục rất nhiều,..., sách có nói: người chết phi mệnh thành

ra ác quỷ, hoặc là sát khí nhiều quá, không tránh khỏi hại đến khí hòa, nên có nạn dịch lệ gì chăng?”

Tuy quan niệm có duy tâm nhưng cũng được nhiều điểm có lợi về đường nhân đạo. Trong trận dịch năm 1820, Thiêm sự Lễ bộ Nguyễn Đăng Tuân dâng lên vua Minh Mạng 6 điều gồm: đặt viện Ngự sử để siêng năng sửa chữa trăm quan, răn sự gian tham những loạn; đặt Thái phỏng sứ: chọn quan thanh liêm đi khắp nơi để xem xét dân tình; bỏ bớt những viên chức thừa đi; đặt nhà học ở dinh trấn châu huyện: chọn lão sư túc nho làm thầy, khảo hạch chọn sinh viên, cấp cho lương ăn mà học tập; mở khoa ân thí; cử hành dân sự: định tế cô hồn dã quỷ cho có chỗ nương tựa. Còn trong trận dịch năm 1849 các đại thần xin vua Tự Đức: xét lại án oan, giảm hạn tù; phục hệ tôn thất và cấp lương bổng cho con cháu dòng Hoàng thái tử Cảnh; dự âm, cấp bổng cho con cháu những công thần Trung hưng từng đi theo vua Gia Long bốn ba; khoan miễn tội trước cho Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Lê Chất; trùng tu đền miếu vua Lê, bỏ lệ đưa con cháu nhà Lê vào ở Tả Kỳ; chọn Kinh lược đại thần để sửa đổi lễ lối và quan lại [11].

Trong lời tâu của đình thần Phạm Đăng Hưng với vua Minh Mạng về trận dịch năm 1820: “Nhưng thần nghe bệnh dịch từ Tây dương sang, bệ hạ hà tất lấy làm tội của mình.” cho thấy rằng các quan lại, có thể là từ cấp địa phương đã biết được dịch bệnh từ Tây dương vào. Đợt dịch năm 1820 là dịch tả bùng phát ở Hà Tiên, Vĩnh Thanh và Định Tường sau đó lan rộng ra cả nước. Trận dịch bệnh này được cho xuất phát từ phương Tây thông qua các thuyền buôn của Tây dương đến buôn bán tại Nam Kỳ; nhưng cũng có quan điểm cho rằng là xuất phát từ Ấn Độ theo các thuyền buôn lan đến khắp Đông Nam Á, Trung Quốc và phương Tây. Do không có ghi chép nào cụ thể nên chúng ta không có những thông tin về việc điều tra quá trình lây nhiễm của dịch bệnh ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX.

2.2.2. Cứu tế dân bị bệnh

Khi có dịch bệnh xảy ra, triều đình đã nhanh chóng trợ cấp tiền tuất cho những nhà có người bị chết do dịch bệnh. Tiền tuất được trích từ kho công của các địa phương để cấp, các quan lại sẽ dựa vào danh sách thống kê những người chết dịch để chiêu theo hạng để cấp tiền. Thời Minh Mạng: mỗi người chết trong trận đại dịch năm 1820 được cấp 3 quan tiền. Từ sau trận dịch năm 1833 ở Phú Yên thì định nội tịch, mỗi người được cấp 3 quan; ngoài ra mỗi người 2 quan, trẻ con 1 quan. Thời Tự Đức: hạng tráng cấp 3 quan, con trai và đàn bà 2 quan, trẻ con 1 quan. Từ năm 1855 và 1860 thì định lại lệ cấp tiền tuất với lí do là vì sợ nha lại, tổng, lý mạo trả, gian dối, làm hư phí của công thì số tiền tuất cấp cho các đối tượng theo hạng đã có sự thay đổi, đình tráng nội tịch từ 3 quan giảm

xuống còn 2 quan, dân ngoại tịch và đàn bà trẻ con thì không cấp tiền tuất. Tuy nhiên trong trận dịch năm 1880 ở Bình Định được ghi chép lại trong Đại Nam thực lục thì người lớn 3 quan, đàn bà, trẻ con 2 quan. Như vậy, nhìn chung dưới thời Nguyễn, người bị chết do dịch bệnh được cấp trung bình từ 1 – 3 quan tiền. Ở trận dịch năm 1849 ở phủ Thừa Thiên thì người nghèo chết dịch còn được cấp quan tài và vải.

Song song với việc cấp tuất, cấp thuốc cho người chết thì có thể thấy một “liệu pháp tinh thần” được sử dụng trong đa số các trận dịch được ghi chép lại trong Đại Nam thực lục đó là cầu đảo. Việc tiến hành cầu đảo để mong muốn sớm tai qua nạn khỏi xuất phát từ quan điểm thời bấy giờ, dịch bệnh xảy ra là do phạm vào khí hòa của trời đất. Đây có lẽ là “liệu pháp tinh thần” hữu hiệu để giảm bớt sự hoảng loạn, trấn an tinh thần trong cơn dịch bệnh đang hoành hành. Mỗi khi xảy ra dịch bệnh, các địa phương đều theo chỉ dụ của vua lập đàn cầu đảo, đàn tế kỳ yên, quan lại địa phương thì thân đi đến các đền linh thiêng trong địa hạt thành tâm cầu đảo để mong cho sớm tai qua nạn khỏi song song với việc cấp thuốc điều trị bệnh. Năm 1840, bệnh dịch bùng phát ở nhiều địa phương ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, vua Minh Mạng sai chọn 20 vị sư trong kinh đến chùa Phật Tích cầu đảo vì vua “Lại nghe đồn tại Bắc Kỳ, thuộc tỉnh Sơn Tây có núi Phật Tích là một danh lam, mà xưa thần tăng Từ Đạo Hạnh kiến thiết, được xưng là linh ứng. Vậy chuẩn cho lựa chọn tại các chùa ở Kinh đô một số thầy tăng (thầy chùa) hơi biết kinh giới đến nơi đó (núi Phật Tích) lập đàn tụng kinh ngày đêm, 3 lần 3 ngày đêm (tức 21 ngày), mỗi kỳ 7 ngày chẵn tế 1 cỗ...”[8, tr.344-345] Trước tình hình dịch bệnh ở nhiều địa phương trong cả nước trong đợt dịch 1849 – 1850 và ở phủ Thừa Thiên, vua Tự Đức đã sai các quan đại thần đến các đền miếu thiêng trong hạt để cầu đảo, “...Tả tham tri bộ Hộ là Tôn Thất Thường đến miếu Đô thành hoàng; Phó đô ngự sử viện Đô sát là Bùi Quỹ đến miếu Hội đồng; Kinh doãn là Vũ Trọng Bình đến đền Thai Dương phu nhân, đều làm lễ cầu đảo.”[5; tr.148-149]. Không chỉ các quan lại mà cả vua cũng cầu đảo, trong trận đại dịch năm 1820 vua Minh Mạng rất lo lắng, trăn trở về tình hình dịch bệnh nên ở trong cung cũng trai giới và cầu đảo ngầm.

Khi cầu đảo linh nghiệm, bệnh dịch đã qua thì sẽ chuẩn bị lễ vật đến đền để đáp tạ sự che chở của thần linh. Năm 1846 dưới thời vua Thiệu Trị, trong tập tâu của Hà Nội và Nam Định trình bày về tình hình dịch bệnh tại xã Hà Hồi, huyện Thượng Phúc (Hà Nội) và xã Ngoại Lãng, huyện Thư Trì (Nam Định), sau khi dịch bệnh yên ổn đã lập tức truyền chỉ cho quan lại của địa phương đó chuẩn bị nghi lễ, lễ vật để đền đáp lại sự che chở của thần linh.

Với quan niệm bệnh dịch là do phạm vào khí hòa của trời đất cộng với lỗi tuyên truyền chân mệnh Thiên tử (vua là do trời định) nên vô hình chung đã tạo ra một sự ràng

buộc về trách nhiệm của người đứng đầu nhà nước cũng như người đứng đầu ở các địa phương. Vì vậy mỗi khi thiên tai hay dịch bệnh xảy ra thì người đứng đầu là vua, các quan đầu tỉnh cũng phải nhận một phần trách nhiệm về mình. Điều này được thể hiện qua lời nói của vua Minh Mạng được ghi chép lại trong *Đại Nam thực lục* như: “Nếu trẫm không thiếu đức thì tai vạ ở nước ngoài vào làm sao được. Nguyễn Văn Quế chỉ là một mục thú còn tự nhận là lỗi mình, huống trẫm là vua thiên hạ, có thể chối lỗi được sao”. Giống như lời dụ của vua Tự Đức, cầu đảo là “Nhờ trời giáng phúc, thương đến dân ta”.

2.2.3. Xử lý môi trường vùng dịch bệnh

Những năm đầu thế kỉ XIX, khi dịch bệnh bùng phát, việc đề ra các biện pháp, phương thuốc chữa bệnh bằng tâm linh được coi là hiệu quả và sử dụng thường xuyên. Đến cuối thế kỉ XIX, để hạn chế nguy cơ lây lan dịch bệnh triều đình nhà Nguyễn bắt đầu áp dụng hàng loạt các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của người Pháp như: dọn dẹp đường sá, thiêu hủy căn nhà có người bị bệnh, khử trùng, đốt xác chết, ...

Theo trình báo của Tuần phủ Lãnh Tổng đốc Thuận Khánh vào ngày 24 tháng 2 năm Thành Thái thứ 11 (1899), từ tháng Chạp năm ngoái đến tháng Giêng, xã Ngọc Hội và Phương Sài, huyện Vĩnh Xương nhân dân bị bệnh dịch hạch, 23 người chết. Ngày 28 tháng trước, quý y quan đã cho thiêu hủy nhà cửa của xã đó và yêu cầu họ đến nhà thương ở. Từ đó đến nay bệnh đã tương đối yên. Nhưng một tuần nay bệnh lại tái phát trở lại, hai xã Ngọc Hội, Phương Sài và xã Vĩnh Diêm, tổng cộng có 10 người chết. Quý y quan lại cho thiêu đốt các nhà có người bị bệnh và yêu cầu thân nhân của họ đến nhà thương. Thiêm chức đã tự mình đến các xã của huyện đó, nhắc nhở nhân dân tuân theo các điều cấm của quý y quan, dọn dẹp nhà cửa đường sá sạch sẽ để tránh truyền nhiễm và từ sau nếu có người nào bị bệnh lập tức báo cho y quan biết để điều trị, không được giấu giếm. Gần một tháng sau, ngày 21 tháng 3 năm Thành Thái thứ 11, Tuần phủ Lãnh Tổng đốc Thuận Khánh tiếp tục trình: Dân Ngọc Hội, Vĩnh Diêm và Phương Sài ở huyện Vĩnh Xương gần đây bị bệnh dịch hạch. Ngày 24 tháng trước đã trình quý viện và Bộ Hộ biết. Từ ngày mùng 10 tháng này đến nay bệnh đã yên. Trong đó, dân Phương Sài hiện đang ở nhà thương đã được cho về làm nhà tạm tại Thương Sơn gần quý tòa, còn người bệnh là dân Vĩnh Diêm và Ngọc Hội được lưu lại nhà thương vài ba tháng rồi sau sẽ cho đến nơi ở tạm, hẹn 6 tháng mới được trở về quê quán.

Về việc đi và đến địa phương, nơi có dịch bệnh chịu sự kiểm soát chặt chẽ từ triều đình. Thuyền buôn của tỉnh bị dịch bệnh bị nghiêm cấm đến các cửa biển để tránh khỏi truyền nhiễm. Năm Thành Thái 11, Bó chánh và Án sát sứ tỉnh Phú Yên trình về việc nhận được điện của quan Khâm sứ đại thần nói bệnh dịch ở Nha Trang lại tái phát, cần

nghiêm sức các cửa biển ngày đêm rà soát, không cho thuyền buôn của tỉnh đó vào, sức gấp cho các phủ huyện Tuy An, Tuy Hòa và nghiêm nhắc các cửa biển cùng phái thập binh đóng chặn, ngày đêm canh giữ không cho thuyền buôn tỉnh đó vào cửa biển để tránh truyền nhiễm. Nếu sơ suất ăn hối lộ cho đi, phát hiện ra phải trị tội”[10].

Việc kết hợp với Tây y giúp cho dịch bệnh giảm đi đáng kể, nâng cao hiểu biết của con người.

2.2.4. Điều trị bệnh

Dựa vào những ghi chép trong *Đại Nam thực lục* có thể thấy được rằng mỗi khi có dịch bệnh xảy ra thì công tác tổ chức việc chữa trị của triều đình khá tích cực. Ở các địa phương khi xảy ra dịch, quan tỉnh sẽ phái các thầy thuốc xuống tận nơi điều trị, thuốc men được lấy từ kho thuốc công của tỉnh, số thuốc sử dụng hết bao nhiêu đều được ghi chép tập hợp lại sau đó nhà nước sẽ quyết toán. Riêng ở phủ Thừa Thiên mỗi khi xảy ra dịch bệnh thì triều đình sẽ trực tiếp phái các thầy thuốc đem theo thuốc men ra ngoài để điều trị bệnh cho nhân dân, những thầy thuốc này đều là người thuộc Thái y viện – cơ quan chuyên bào chế thuốc men và chữa bệnh quốc gia, như trận dịch xảy ra vào tháng 4-1843: “Hạt Thừa Thiên lại phát sinh chứng lệ khí. Sai Thái y đem thuốc ở kho chia nhau đi chữa bệnh”[4, tr.488]. Thời Gia Long, tháng 2 – 1814, dịch bệnh xảy ra ở Quảng Đức [Thừa Thiên], một sở dưỡng tế đã được lập ra ở xã Thế Lại để điều trị cho những người bị bệnh, đây là một ghi chép hiếm hoi về việc áp dụng biện pháp cách ly vào trong điều trị bệnh. Đến thời Minh Mạng và Tự Đức thì không có bất cứ một ghi chép nào về việc thiết lập một cơ sở như vậy để điều trị bệnh nữa. Để khen thưởng kịp thời và ghi nhận công sức của những thầy thuốc, sau khi trận dịch năm 1826 ở Gia Định rút lui, vua Minh Mạng đã sai bộ Hộ xét những thầy thuốc nào điều trị giỏi thì được khen thưởng.

Vào đầu thế kỉ XIX, một thành tựu của y học phương Tây cũng đã xuất hiện tại Việt Nam, đó chính là vaccine đậu mùa. Vaccine đậu mùa được thử nghiệm thành công vào năm 1796 và được công bố chính thức vào năm 1798 bởi một bác sĩ thú y người Anh là E. Jenner (1749-1823) khi ông tìm cách đưa virus đậu bò vào cơ thể người với mục đích là để tạo ra hệ thống miễn dịch bệnh đậu mùa. Việc con người lần đầu tiên tìm ra vaccine đã mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử y học. Tuy nhiên do hạn chế về kỹ thuật của hai thế kỉ trước trong việc vận chuyển và bảo quản vaccine dài ngày, người ta đã sử dụng phương pháp gọi là truyền vaccine từ “tay đến tay”, tức là mang theo những đứa trẻ đã có kháng thể đậu mùa trong người như một nguồn dự trữ vaccine. Bằng cách đó mà người ta đã có thể vận chuyển vaccine đậu mùa từ Baghdad (Iraq) đến Bombay (Ấn Độ) vào tháng 6-1802. Trở lại với Việt Nam vào thời điểm năm 1801, theo ghi chép trong *Đại*

nam thực lục thì hoàng thái tử Nguyễn Phúc Cảnh, người kế vị vua Gia Long đã qua đời vì bệnh đậu mùa. Vốn là người có mối quan tâm tới y học của phương Tây, cái chết của hoàng thái tử Cảnh có lẽ đã thúc đẩy vua Gia Long tìm kiếm vaccine đậu mùa để chủng ngừa cho những người con của mình. Vua Minh Mạng cũng không phải là ngoại lệ, ông cũng đã chứng kiến bệnh dịch là một mối nguy hiểm đe dọa trực tiếp tới tính mạng con người và cũng không muốn điều tương tự xảy ra đối với các con của mình. Vì vậy, ngay sau khi vua Gia Long qua đời, ngày 13-7-1820, vua Minh Mạng đã yêu cầu Jean Marie Despiau (một bác sĩ phẫu thuật người Pháp, vốn là bác sĩ riêng và là người được vua Gia Long tin tưởng) cùng phụ tá là Philippe Vannier chuẩn bị kế hoạch đi Macau lấy vaccine đậu mùa. Đoàn tàu có chứa những đứa trẻ mang trong mình kháng thể đậu bò của Jean Marie Despiau đã từ Macau trở về Huế vào tháng 2-1821 và ngay lập tức các con của vua Minh Mạng đã được tiến hành vaccine. Cũng ngay trong Kinh thành Huế, vua Minh Mạng đã cho Jean Marie Despiau tiến hành việc đào tạo cho 10 ngự y về kỹ thuật vaccine kéo dài trong vòng 5 tháng. Đây là những tiếp xúc y học phương Tây ngắn ngủi dưới triều vua Minh Mạng, ông vốn là người không có những ảnh hưởng của Pháp, sau đó ông cắt dần quan hệ với phương Tây và tìm cách tổ chức lại Thái y viện với việc giảm vai trò của người phương Tây và tăng cường tri thức y học Trung Hoa. Bởi vậy, ngay sau khi Jean Marie Despiau qua đời năm 1824, có vẻ như nhà Nguyễn cũng đã chấm dứt việc tiếp nhận vaccine hay những thành tựu y học mới của phương Tây và có lẽ cũng không còn một hành trình vaccine nào như vậy nữa. Bằng chứng là năm 1845, con trai của vua Thiệu Trị là hoàng tử Nguyễn Phúc Hồng Nhậm (vua Tự Đức sau này) đã bị nhiễm bệnh đậu mùa, dù qua khỏi nhưng thể trạng của ông rất yếu ớt và không thể có con sẽ là một vấn đề bao trùm lên vương triều Nguyễn một thời gian dài sau đó trong những chuyện biến lớn lao của vương triều, đất nước, thời đại và nhân loại[9].

Trong thời gian 1858 – 1900 dưới sự trị vì của vua Tự Đức (1847-1883) tới nửa đầu thời gian trị vì của vua Thành Thái (1889-1907), tình hình chính trị của vương triều Nguyễn và đất nước cũng đã có nhiều chuyện biến quan trọng, theo đó có cả sự chuyển biến về y học. Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, sự kháng cự không cân sức của một vương quốc còn trong những ngày cuối của chế độ phong kiến với trang bị vũ khí thô sơ lạc hậu khó có thể chống lại được sức mạnh của một đội quân xâm lược thực dân đã đi trước đến cả trăm năm. Triều đình nhà Nguyễn lúng túng trong đối phó, phân hóa thành hai phe chủ chiến và chủ hòa. Bằng việc lần lượt kí kết các hiệp ước, nhất là hiệp ước Harmand (1883) và hiệp ước Patenôtre (1884), Việt Nam đã chính thức trở thành thuộc địa của Pháp. Do những chuyện biến lớn lao về chính trị đó, y học cũng sẽ

có sự chuyển biến. Bằng chứng là sau một thời gian đoạn tuyệt, một lần nữa y học Việt Nam được tiếp xúc trở lại với nền y học tiên tiến hơn đến từ phương Tây.

Sự có mặt của y học phương Tây đã đem lại nhiều điểm mới, tiến bộ trong việc điều trị và kiểm soát dịch bệnh ở Việt Nam. Cụ thể: “Nhâm Ngọ, Tỵ Đức năm thứ 35 [1882], mùa hạ, tháng 6, vua sai viện Thái y phái Cửu phẩm y sinh là Nguyễn Văn Tâm đi sang Hương Cảng học phép trồng đậu của Y viện Đông Hoa.”[6, tr.533], hay như tháng 4 – 1888, dưới triều vua Đồng Khánh đã: “Phái quan thầy thuốc tới Sứ quán học phương pháp trồng đậu, là theo lời tư bản của viên Khâm sứ Hách-tô.”[7, tr.406]. Qua hai ghi chép trên, lần đầu tiên thầy thuốc ở Thái y viện được triều đình phái ra nước ngoài học hoặc được các thầy thuốc từ Tây dương đến Sứ quán trực tiếp dạy phép chủng ngừa. Đây cũng là một cơ hội để y học Việt Nam tiếp xúc với những thành quả tiên tiến của y học phương Tây nhất thời bấy giờ, giúp các thầy thuốc ta có thêm hiểu biết về cách phòng chữa bệnh, nâng cao trình độ. Đến tháng 6-1888: “Bệnh đậu và thời khí phát dữ ở Quảng Ngãi. (Từ tháng 11 năm ngoái đến tháng này, bị nhiễm bệnh chết tổng cộng: 13.934 người cả đàn ông, đàn bà). Phòng thần Nguyễn Thân đem việc tâu lên. Cho viện Cơ mật bàn với viên Công sứ chọn phái quan thầy thuốc nước Pháp, đem cả thầy thuốc ta, người đã quen biết cách trồng đậu, đến trồng để đỡ tai hại cho dân.”[7, tr.419]. Qua ghi chép này thì công việc chữa, phòng dịch do những thầy thuốc đến từ Pháp đảm nhiệm chính, bên cạnh đó là những thầy thuốc người Việt cũng được đi theo để giúp đỡ và họ cũng là những người đã được học phép chủng ngừa từ trước. Một điểm mới nữa trong điều trị dịch bệnh đó là đưa người bệnh đến nhà thương để điều trị trong trận dịch hạch xảy ra ở hai xã Ngọc Hội và Phương Sài, huyện Vĩnh Xương (Khánh Hòa) theo như trình báo của Tuần phủ Lãnh Tổng đốc Thuận Khánh ngày 24-2-1899 dưới triều vua Thành Thái.

Trận dịch đậu mùa năm 1887-1888 dưới thời vua Đồng Khánh có lẽ là trận dịch lớn cuối cùng xảy ra ở Việt Nam trong thế kỉ XIX. Bởi vì càng về sau do điều kiện y tế, cơ sở vật chất và đời sống của người dân ngày càng tiến bộ nên các trận dịch có xảy ra cũng được kiểm soát tốt và mức độ thương vong cũng giảm đi nhiều. Sự kiện viện Pasteur Sài Gòn nuôi cấy thành công virus trên trâu nước năm 1891, cũng đã đánh dấu việc phát triển thành công kĩ thuật vaccine đậu mùa ở Việt Nam mở ra một bước phát triển mới trong điều trị bệnh đậu mùa cũng như các dịch bệnh khác, góp phần vào sự phát triển chung của nền y học Việt Nam.

2.3. Một vài nhận xét về các biện pháp đối phó với dịch bệnh của triều Nguyễn thế kỷ XIX

Việc dịch bệnh xâm nhập, bùng phát và luân âm i trong Việt Nam thế kỉ XIX đã tác động sâu rộng và tạo ra những thay đổi căn bản về chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội. Do thiếu lương thực, điều kiện vệ sinh không đảm bảo, thiếu các biện pháp phòng chống lây nhiễm nên mỗi khi dịch bệnh xảy ra đã khiến hàng ngàn người thiệt mạng. Các vua nhà Nguyễn rất quan tâm, lo lắng mỗi khi dịch bệnh xảy ra nên gần như khá nhanh chóng đã triển khai các hoạt động cứu tế dân bị bệnh như cấp tiền, cấp thuốc, cử thầy thuốc xuống vùng dịch điều trị. Dân số không thể gia tăng đều đặn do dịch bệnh cũng gây ra sự thiếu hụt trong nhân lực, nhất là trong bối cảnh nông nghiệp lại là ngành kinh tế chính nuôi sống cả đất nước. Dịch bệnh, thiên tai, nạn đói thường xuyên xảy làm cho tình hình xã hội rối loạn, mất ổn định, rất dễ bùng nổ những phong trào phản kháng chống lại triều đình. Trước tình hình đó, nhà Nguyễn đã có sự điều chỉnh trong chính sách để đảm bảo an sinh xã hội, ổn định lại sản xuất như: giảm, hoãn hoặc miễn thuế, hoãn lính, ... giảm bớt gánh nặng cho người dân. Bên cạnh đó, việc xử lí các quan lại thiếu trách nhiệm cũng nhà nước được chú ý đến. Nhìn chung, các chính sách của nhà Nguyễn trong điều trị bệnh, đảm bảo an sinh xã hội sau dịch là khá tích cực.

Tuy nhiên, do thiếu kiến thức về nguồn gốc, phòng tránh lây nhiễm nên có những đợt dịch bệnh lan rộng ra nhiều địa phương hay thậm chí cả nước. Sau khi đã có sự kết hợp của y học phương Tây, công tác điều trị, kiểm soát dịch bệnh ở Việt Nam đã có những bước phát triển tiến bộ: các biện pháp khử trùng, xử lí môi trường, chủng ngừa đã được áp dụng vào trong điều trị bệnh.

3. KẾT LUẬN

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh đã buộc triều đình nhà Nguyễn phải có những biện pháp kịp thời để ứng phó. Các công tác cứu tế được tiến hành một cách nhanh chóng: cấp thuốc, cử thầy thuốc đi điều trị bệnh; cấp tiền tuất cho những người chết dịch; cầu đảo. Ở góc độ khác, công tác hành chính khá tiến bộ trong khâu thống kê số người tử vong rất sát sao, miễn thuế, ... Điều này có thể thấy được sự quý trọng sinh mạng của “dân đen” của triều đình. Nhìn chung các biện pháp phòng chống dịch bệnh của nhà Nguyễn tương đối tích cực, đạt được những kết quả nhất định, tuy ít nhiều vẫn có mặt hạn chế.

Dịch bệnh không chỉ tác động đến tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội mà còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu trong ứng phó mà còn thúc đẩy quá trình giao lưu, trao đổi y học giữa các quốc gia, giữa các nền văn hóa, văn minh với nhau. Nhờ đó, những thành tựu trong y học phương Tây đã được áp dụng trong việc kiểm soát dịch bệnh ở Việt Nam tạo nên những thay đổi tích cực và rõ nét.

Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển, trình độ nhận thức của con người tiến bộ, việc phòng ngừa, chủ động trong công tác chống dịch ngày càng được chú trọng. Các biện pháp ứng phó với dịch bệnh trong quá khứ sẽ là bài học hữu ích đối với công tác phòng chống dịch COVID-19 hiện nay cũng như các bệnh dịch khác có thể xảy ra trong tương lai.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ từ nguồn kinh phí Khoa học Công nghệ của Trường ĐHSPT Hà Nội 2 cho đề tài khoa học, mã số: SV.2020.SP2.29.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, NXB Giáo dục, 2007.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, NXB Giáo dục, 2007.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 5, NXB Giáo dục, 2007.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 6, NXB Giáo dục, 2007.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 7, NXB Giáo dục, 2007.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 8, NXB Giáo dục, 2007. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 9, NXB Giáo dục, 2007.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, tập I, NXB Thuận Hóa, 2007.
8. Vũ Đức Liêm, *Đậu mùa - một chú giải nhỏ của lịch sử Việt Nam*, Khoa học và Công nghệ, 2017, https://tiasang.com.vn/khoa-hoc-cong-nghe/Dau-mua--mot-chu-giai-nho--cua-lich-su-Viet-Nam-11091?fbclid=IwAR2KiAvjE6EOb2r_nRzDDkO68LXJP4Gn5pdxO9FKUdhNTD Hd48GnlYLfIC8, thời gian truy cập: 18/4/2021.
9. Hồng Nhung, *Kiểm soát dịch bệnh dưới triều Nguyễn khi có sự can thiệp của người Pháp*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, 2020, <http://www.archives.org.vn/gioi-thieu-tai-lieu-nghiep-vu/kiem-soat-dich-duoi-trieu-nguyen-khi-co-su-can-thiep-cua-nguoi-phap.htm?fbclid=IwAR10aQ9n2wYuHUST-T1Bwr45dtyfQ4EavyYsMqi6jMchW6dmRpRl5sChbHE>, thời gian truy cập: 18/4/2021.
10. Phạm Hoàng Quân, *Lược khảo về về dịch bệnh ở Việt Nam hồi thế kỷ 19 qua ghi chép trong Đại Nam thực lục*, Hệ thống khóa học Book Hunter Lyceum, 2020, <https://bookhunterclub.com/luoc-khao-ve-dich-benh-o-viet-nam-hoi-the-ky-19-qua-ghi-chep-trong-dai-nam-thuc-luc>

- luc/?fbclid=IwAR0CPBxOz7k4JG8sKugOrJRIWM5PF8eXHweLLK9FoQtzXhzXAPISfA1JIV0, thời gian truy cập: 18/4/2021.
11. Gần 70 trận dịch bệnh ở Việt Nam thế kỷ 19, thi hào Nguyễn Du qua đời vì dịch
<https://tuoitre.vn/gan-70-tran-dich-benh-o-viet-nam-the-ky-19-thi-hao-nguyen-du-qua-doi-vi-dich-20200228213420323.htm>; thời gian truy cập: 10/12/2021.

SOME MEASURES TO RESPOND TO THE EPIDEMIC OF THE NGUYEN DYNASTY IN THE NINETEENTH CENTURY

*Chu Thi Thu Thuy, Nguyen Van Manh,
Nguyen Thi Hang*

Abstract: *The epidemic is a threat and danger to human society, one of the factors that create economic, political and social instability. According to Veritable Records of Đại Nam, in the 19th century, Vietnam had 3 major epidemics with scale, the national domain was the cholera epidemic of 1820, the (unknown) epidemic of 1849, the smallpox epidemic of 1888 and the aftermath of thousands of deaths. The article focuses on analyzing the outbreak and the course of the spread of the epidemic; measures to respond to the epidemic of the Nguyen dynasty (19th century), the conclusions and lessons learned in responding to the epidemic in the current period.*

Keywords: *epidemic, measure, Nguyen dynasty, 19th century.*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 12-8-2022; ngày phân biện đánh giá: 01-9-2022;
ngày chấp nhận đăng: 13-9-2022)*